TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU TH** **TỈNH K G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 29-9-2020
V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU TH, TỈNH K G

- Th phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thúy Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nhâm Đức Hùng;
2. Bà Huỳnh Phương Lan.

Thư ký phiên toà: Bà Lữ Cẩm Nhung – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành tham gia phiên tòa: Ông Lâm Sển- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang , xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 269/2020/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2020, về tranh chấp ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 57a/2020/QĐXX-ST ngày 01 tháng 9 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 41/2020/QĐST-HNGĐ ngày 15 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Nh**, sinh năm 1977

Địa chỉ: ấp Tân B, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K .

(Chị Nh có mặt tại phiên tòa).

* *Bị đơn:* Anh **Trương Hoàng G**, sinh năm 1975.

Địa chỉ: ấp Tân B, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K .

(Anh G vắng mặt lần 2 không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 01-6-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh trình bày: Vào năm 1995, chị và anh Trương Hoàng G được sự đồng ý của cha mẹ hai bên nên chúng tôi cùng nhau đi đến hôn nhân, trên cơ sở hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại UBND

xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K G và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 16-4-2004.

Cuộc sống chung vợ chồng lúc đầu hạnh phúc nhưng sau đó thời gian đến năm 2017 thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng luôn bất đồng quan điểm với nhau trong cuộc sống, thường hay xảy ra cự cải, không hợp nhau về tính tình và cách sống. Anh G không quan tâm chăm sóc cho gia đình. Do cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nữa, vợ chồng chị đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Nay chị xét thấy không còn tình cảm với anh G nữa nên chị quyết định ly hôn với anh Trương Hoàng G.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh G có 02 con chung tên Trương Hoàng D, sinh ngày 18-02-1996 và Trương Hoàng N, sinh ngày 01-3-2002, hiện nay các con đã trưởng Thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản gì chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết còn; về phần nợ thì vợ chồng cũng không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Nh yêu cầu:

- Về hôn nhân: Xin ly hôn với anh Trương Hoàng G.

- Về con chung: Chị Nh xác nhận các con đã trưởng Th nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Trương Hoàng G đã được Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh G đều không có mặt.

Theo kết quả xác minh, thu thập chứng cứ tại địa phương như sau:

Tại biên bản xác minh ngày 31-7-202020 (BL 17) thể hiện: Anh G hiện nay vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp Tân B, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K . Tòa án có đến gặp anh G để tống đạt văn bản tố tụng nhưng anh G không đồng ý ký tên và cũng không có mặt theo thông báo của của Tòa án.

Chị Nguyễn Thị Nh và anhTrương Hoàng G có kết hôn với nhau nhưng khoảng 05 năm nay chị Nh không còn chung sống với anh G nữa.

Anh G sống ở địa phương không lo làm ăn, mê chơi cờ bạc. Chị Nh đã 02 lần gửi đơn yêu cầu xin ly hôn với anh G đến chính quyền đại phương để giải quyết nhưng anh G không hợp tác nên không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa chị Nguyễn Thị Nh vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Trương Hoàng G. Anh G vắng mặt không lý do.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Trong giai đoạn chuẩn bị xét xử, Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Đối với nguyên đơn là chị Nh: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71 và 234 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn là anh G: Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng đều không có mặt; tại phiên tòa, anh G tiếp tục vắng mặt không có lý do chính đáng. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của chị Nh.

NHẬN ĐỊNH:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện chứng cứ, ý kiến của đương sự. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Nh khởi kiện tranh chấp xin ly hôn với bị đơn anh Trương Hoàng G có hộ khẩu thường trú ấp Tân B, xã Giục T, huyện Châu Th, tỉnh K G. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Th, tỉnh K .

Tòa án nhân dân huyện Châu Th đã triệu tập hợp lệ anhTrương Hoàng G đến phiên tòa lần thứ hai nhưng anh G vẫn tiếp tục vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh G là phù hợp theo quy định pháp luật.

[2] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Nh và anh Trương Hoàng G kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Có đăng ký kết hôn năm 2016 tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn, theo chị Nh nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống giữa hai vợ chồng không phù hợp, anh G sống thiếu trách nhiệm với vợ con và gia đình.Thực tế chị

Nh và anh G đã sống trong tình trạng ly thân trong thời gian dài, không ai quan tâm đến ai. Quá trình giải quyết vụ án, anh G không có mặt theo thông báo để Tòa án tiến hành hòa giải, thể hiện anh không có thiện chí để giải quyết mâu thuẫn vợ chồng và tại phiên tòa hôm nay mặc dù anh G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng anh G vẫn vắng mặt không lý do. Mặc khác, tại biên bản xác minh ngày 31-7-2020 (BL: 17) Ban lãnh đạo ấp Tân B cũng xác nhận anh G sống ở địa phương mê chơi cờ bạc, không chăm lo cho gia đình, vợ chồng anh G thường xuyên xảy ra cự cải và sau đó chị Nh bỏ ra ngoài sinh sống cho đến nay. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị Nh và anh G đã kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị Nh yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh G để ổn định cuộc sống. Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nh, xử cho chị Nh được ly hôn anh G là hoàn toàn phù hợp theo quy định pháp luật.

[3] Về quan hệ con chung: Chị Nguyễn Thị Nh xác nhận trong thời gian chung sống anh chị có 02 con chung tên Trương Hoàng D, sinh ngày 18-02-1996 và Trương Hoàng N, sinh ngày 01-3-2002, hiện nay các con đã trưởng Thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nh cam kết không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX không xem xét.

[6] Xét lời trình bày của đại diện viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Nh phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Nh và anh Trương Hoàng G.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị Nh xác nhận các con đã trưởng Thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét

3. Về tài sản chung: Chị Nguyễn Thị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Nh xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Nh phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) nhưng chị Nh được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai số 0002437 ngày 04 tháng 6 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Th, tỉnh K ; chị Nh không phải nộp thêm.

" Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014".

6. Chị Nguyễn Thị Nh có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Trương Hoàng G có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc bản án được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thúy Hằng

Nơi nhận:
- Các đ- ơng sự;
- TAND tỉnh Kiên G;
- Viện Kiểm sát huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Th
- L- u hồ sơ.